TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HSST
Ngày: 30-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Trần Văn Mẫn**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Mai Độ**

2. Bà **Lê Thị Tân An**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Bùi Tuấn Kiệt** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Ngọc Bảo Trân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 91/2018/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1978. Nơi sinh: Cần Thơ; nơi cư trú: Số x, khu vực T, phường TH, quận C, thành phố C; nghề nghiệp: Thầu xây dựng; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị H; vợ Đặng Thị Bé T; con: 01 người, sinh năm 2000; tiền sự: Không; tiền án: Không. Có mặt

2 Trần Vũ P, sinh năm: 1973. Nơi sinh: Ô Môn, Cần Thơ; nơi cư trú: Khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố C; nghề nghiệp: Thầu xây dựng; trình độ học vấn: 3/12; con ông Trần Văn H và bà Võ Thị B; vợ Nguyễn Thị Cẩm Đ; con: 02 người, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm: 2004; tiền sự: Không; tiền án: Không. Có mặt

- *Đại diện hợp pháp cho người bị hại:* Phạm Thị Sơn L, sinh năm: 1988. Trú tại: Khu vực H, phường T, quận Ô , thành phố C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm: 1991. Trú tại: Khu vực Thới T, phường Phước T, quận Ô, thành phố C.

2. Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm: 1991. Trú tại: Khu vực Thới T, phường Phước T, quận Ô, thành phố C.

3. Anh **Huỳnh Hữu T**, sinh năm: 1985. Trú tại: Khu vực Long H, phường Long H, quận Ô, thành phố C

4. Anh **Lê Nguyễn Đăng K**, sinh năm: 1986. Trú tại: Số x Huỳnh C, phường A, quận N, thành phố C

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Huỳnh Thanh V**, sinh năm: 1988. Trú tại: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố C.

2. Anh **Huỳnh Công K**, sinh năm: 1990. Trú tại: Khu vực L, quận Ô, thành phố C

3. Anh **Hà Trọng N**, sinh năm: 1990. Trú tại: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố C.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T: Luật sư **Lê Văn P**- Công ty luật hợp danh Trung Phú Cần Thơ, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Vũ : Luật sư **Võ Út E**-Văn phòng luật sư Võ Út Em, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian tháng 8/2017, bị cáo Nguyễn Thanh T nhận thi công xây dựng nhà ở "độc lập" cho chị Nguyễn Thị Bích T tại địa chỉ khu vực Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, với giá nhân công xây dựng là 800.000 đồng/m^2. Sau đó, T giao lại cho bị cáo Trần Vũ P với giá 750.000 đồng/m^2 (bị cáo T hưởng chênh lệch 50.000 đồng/m^2), do bận thi công một số công trình khác, nên P kêu Huỳnh Hữu T là thợ xây dựng "nông thôn", đồng thời nhờ Thiện kêu thêm một số thợ và phụ xây khác để thực hiện xây dựng công trình nêu trên. Đến ngày 21/9/2017, trong lúc Thiện và anh Bùi Văn Bé M đang tô, bắt viền chỉ mái thái thì tấm mái thái của công trình sụp đổ làm anh Tvà anh Mười té xuống đất, được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ, sau đó anh Mười tử vong, anh T bị thương nhẹ.

Tại bản kết luận giám định số 203/KLGĐ-PC54 ngày 16/10/2017 của Phòng kỹ thuật công an thành phố Cần Thơ kết luận: Nạn nhân Bùi Văn Bé Mtử vong do choáng mất máu cấp, sau dập vỡ gan, do chấn thương vùng bụng.

Tại Báo cáo số: 158/BC-TTGĐCLXD ngày 14/12/2017 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục giám định xây dựng thành phố Cần Thơ, kết luận: "Trên cơ sở số liệu cập nhật, khảo sát tại hiện trường kết hợp phân tích đánh giá, hồ sơ thiết kế, quá trình thi công lắp dựng và công tác quản lý chất lượng đầu tư xây dựng công trình nhận bảng vẽ bê tông tấm lớn mái thái không

liên kết vào kết cấu cột và dầm của công trình, chỉ kê trên tường xây, tường xây dày 10cm và kê lệch tâm bảng bê tông gây lật mất liên kết với kết cấu tường đỡ, kết cấu mất ổn định. Việc thi công tô trát trong điều kiện kết cấu mất ổn định và điều kiện an toàn không đảm bảo(hệ thống giàn giáo chống đỡ không có) là nguyên nhân gây nên sụp đỗ tấm mái thái công trình".

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T cùng bị cáo Trần Vũ P thừa nhận, T nhận công trình xây dựng nhà ở cho chị Nguyễn Thị Bích T và đã giao lại bị cáo Trần Vũ P để hưởng chênh lệch 50.000 đồng/m^2, việc giao lại trách nhiệm thi công lại cho bị cáo P, bị cáo T không cho chủ đầu tư xây dựng biết. Các bị cáo còn thừa nhận là cả hai không có chứng chỉ hành nghề xây dựng, nên trong quá trình thi công chỉ dựa trên kinh nghiệm thực tế của bản thân, không thực hiện đúng nguyên tắc kết cấu trong xây dựng, từ đó không đảm bảo an toàn trong thi công gây thiệt hại tính mạng cho người khác, nên cả hai đều nhận trách nhiệm.

Về phần trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, chị Sơn L yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng cộng 80.625.000 đồng; bị cáo T đã bồi thường 28.000.000 đồng, bị cáo P bồi thường 26.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị Sơn Lcùng với bị cáo T đã thỏa thuận xong phần yêu cầu còn lại, theo đó, bị cáo T đồng ý bồi thường thêm cho chị Sơn Llà 14.000.000 đồng (trong đó có 625.000 đồng tiền công lao động của anh Mười)

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố, đồng thời có phân tích về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Trên cơ sở đó, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 31, điểm p, b khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1 Điều 229 Bộ Luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng Điều 31, điểm p, b khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1 Điều 229 Bộ Luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Vũ Ptừ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 mảnh bê tông có kích thước (23x10cm) và (13x10cm); 01 thanh sắt phi 10, chiều dài 47cm và 100 gam xi măng hiệu Tây Đô.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Vũ P cùng đồng ý với kết luận của Viện kiểm sát về nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát; có phân tích về nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; chính sách hình sự mới theo hướng nhân đạo và có lợi cho người phạm tội, từ đó cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong vụ án*: Nhận thấy tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Vũ P có dẫn chứng nội dung bản kết luận điều tra bổ sung ngày 17/8/2018, theo đó việc nhận định bị cáo P chưa bồi thường khắc phục hậu quả cho đại diện gia đình người bị hại là không đúng thực tế, bởi lẽ trong giai đoạn điều tra, bị cáo P đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 26.000.000 đồng. Do vậy, kết luận điều tra có nội dung như vậy là gây bất lợi cho bị cáo. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của đại diện hợp pháp cho người bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy, lời bào chữa của Luật sư là có căn cứ, lẽ ra cần phải trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung, nhưng xét thấy tại phiên tòa đại diện gia đình người bị hại đã xác nhận, trong giai đoạn điều tra đã nhận tiền bồi thường của bị cáo P là 26.000.000 đồng, bên cạnh đó, vị đại diện Viện kiểm sát cũng xác nhận nội dung kết luận điều tra vấn đề nêu trên là chưa đúng, nên không cần thiết phải trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung cho vấn đề mà luật sư đặt ra. Tuy nhiên cũng cần kiến nghị với cơ quan điều tra công an quận Ô Môn cần rút kinh nghiệm cho những vụ án khác, không để trường hợp tương tự xảy ra.

[2] *Căn cứ kết tội:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T và P cùng thừa nhận, bản thân các bị cáo không có giấy chứng chỉ hành nghề xây dựng, nhưng nhận trách nhiệm thi công nhà ở cho chị T. Do vậy khi thi công, các bị cáo chỉ nhìn vào bản vẽ xây dựng (không thể hiện chi tiết kỹ thuật thi công), rồi thi công theo kinh nghiệm thực tiễn của bản thân, nên không đảm bảo nguyên tắc kết cấu trong xây dựng, mất an toàn, dẫn đến tấm lớn mái thái của công trình bị sụp đổ làm cho một người chết.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã vi phạm quy định Điều 148 Luật xây dựng gây thiệt hại tính mạng cho người khác, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây thiệt hại nghiêm trọng" theo khoản 1 Điều 229 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố các bị cáo trước pháp luật với tội danh và điều luật như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân; và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức; bản thân bị cáo không có giấy chứng chỉ hành nghề xây dựng, không am hiểu về nguyên tắc kết cấu trong xây dựng nhà ở nói chung, công trình xây dựng nhà ở của chị T nói riêng, lẽ ra các bị cáo không được nhận trách nhiệm thi công công trình xây dựng nhà ở nêu trên. Thế nhưng, xuất phát từ sự hám lợi cùng với sự chủ quan về kinh nghiệm thực tiễn của bản thân, các bị cáo bất chấp pháp luật, nhận thi công xây dựng công trình ngoài khả năng, năng

lực cho phép của bản thân các bị cáo, đồng thời công trình cũng không có bản vẽ chi tiết kỹ thuật, từ đó dẫn đến quá trình thi công không đảm bảo đúng nguyên tắc kết cấu trong xây dựng, mất an toàn gây thiệt hại tính mạng cho người khác. Các bị cáo đều biết bản thân không có chứng chỉ hành nghề xây dựng nhưng nhận trách nhiệm thi công xây dựng công trình có điều kiện là vi phạm pháp luật, nhưng vì sự chủ quan trong kinh nghiệm thực tiễn, các bị cáo nghĩ rằng hậu quả không thể xảy ra, và nếu có thể xảy ra thì hậu quả cũng không ảnh hưởng đến tính mạng cho người khác, và có thể ngăn chặng, khắc phục được nên các bị cáo vẫn thực hiện. Từ đó, cho thấy về mặt hành vi, ý thức chủ quan của các bị cáo thể hiện sự cố ý, tuy nhiên như đã phân tích trên thì hậu quả xảy ra là ngoài sự mong muốn của các bị cáo, nên lỗi của các bị cáo là lỗi vô ý vì quá tự tin, nên các bị cáo phải chịu trừng phạt của pháp luật.

Xét bị cáo T, là người trực tiếp nhận công trình thi công từ chị T, nhưng sau đó toan tính không phải thi công, lại được hưởng tiền chêch lệch, bị cáo đã giao trách nhiệm thi công lại cho bị cáo P; bên cạnh đó, để tạo niềm tin với chủ đầu tư, bị cáo T không báo cho chủ đầu tư biết việc giao trách nhiệm thi công cho bị cáo P, mà thường tới lui để theo dõi giám sát công trình. Mặt khác, sau khi giao trách nhiệm thi công cho bị cáo P, bị cáo P không thường xuyên có mặt tại công trình để thực hiện trách nhiệm thi công, bị cáo T cũng không có ý kiến gì đối với bị cáo P, cho thấy bị cáo T không muốn nói là đồng tình với sự bỏ mặt trách nhiệm thi công của bị cáo P, đây cũng là một trong những nguyên nhân gián tiếp dẫn đến hậu quả xảy ra. Các hành vi nêu trên của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội cần phải nghiêm trị.

Đối với bị cáo Trần Vũ P, cùng thời điểm bị cáo nhận trách nhiệm thi công từ bị cáo T, bị cáo còn đang thi công một số công trình khác. Do vậy, sau khi nhận công trình, bị cáo không trực tiếp theo dõi, giám sát thi công cụ thể, mà bỏ mặc cho bị cáo T theo dõi, giám sát công trình. Điều đó cho thấy bị cáo thiếu trách nhiệm trong thi công và bỏ mặc cho hậu quả có thể xảy ra. Vì vậy, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo cũng không kém phần với bị cáo T, nên cần cũng phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Việc xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo của các Luật sư. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi tai nạn xảy ra, bên đại diện gia đình người bị hại lúc đầu có yêu cầu các bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền cho các khoản: mai táng phí, tổn thất tinh thần, và tiền cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 60.000.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường và đại diện gia đình bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự. Nhưng sau đó, đại diện hợp pháp cho người bị hại thay đổi yêu cầu, nâng mức yêu cầu bồi thường lên 80.000.000 đồng, các bị cáo không có ý kiến. Xét thấy quyền thay đổi yêu cầu và mức yêu cầu của đại diện hợp pháp cho người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật. Thế nhưng, kể từ ngày chị Sơn Lthay đổi yêu cầu đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần hai các bị cáo đều biết, nhưng các bị cáo không thiện chí gặp chị Sơn L để yêu cầu hòa giải, mặt khác, tại phiên tòa chị Sơn Lcũng không tự nguyện hòa giải, đến khi tòa phân tích, động viên một thời gian chị mới đồng ý rút lại một phần yêu cầu, sau đó bị cáo T mới đồng ý bồi

thường số tiền còn lại cho chị Sơn L. Vì các lẽ đó không thỏa mãn với điều kiện, đại diện người bị hại tự nguyện hòa giải về trách nhiệm bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015, nên không đủ cơ sở để xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo yêu cầu của các Luật sư.

Từ những tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên; đối với bị cáo T, Hội đồng xét xét cũng xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo tốt, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại, ngoài ra bị cáo còn có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có người anh là liệt sĩ. Vì thế, đã xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự một phần cho bị cáo theo điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo P, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P đều thừa nhận là đã nhận trách nhiệm thi công công trình nhà của chị T từ bị cáo T đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho đại diện gia đình người bị hại 26.000.000 đồng. Điều đó cho thấy, bị cáo đã có sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như vị đại điện Viện kiểm sát đề nghị được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, thì cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và tính nhân đạo của Nhà nước.

Xét thấy thực trạng hiện nay, việc cá nhân thi công xây dựng không có chứng chỉ hành nghề trên địa bàn quận Ô Môn nói riêng, thành phố Cần Thơ nói chung là khá phổ biến, tạo sự lo lắng, mất an toàn trong xã hội; cùng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên, nên cần phải có mức án tù có thời hạn mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên xét thấy, các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, có nhân thân tốt, và có nhiều tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần cách ly xã hội đối với các bị cáo, mà cần cho các bị cáo hưởng án hình phạt tù có điều kiện, giao về địa P giám sát, giáo dục bị cáo là đã đạt được mục đích của hình phạt.

[4] *Các vấn đề khác*.

- Về trách nhiệm dân sự: Nhận thấy tại tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T đồng ý bồi thường thêm theo yêu cầu của tổng cộng 14.000.000 đồng (trong đó có 625.000 đồng tiền công lao động của anh Mười), chị Sơn L không yêu cầu gì thêm. Xét đây là sự thỏa thuận của các bên không vi phạm vào điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Về án phí hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: **Nguyễn Thanh T** và **Trần Vũ P** phạm tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 229; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Thanh T **01(một)** năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02(hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/11/2018)

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố C giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách .

Áp dụng: Khoản 1 Điều 229; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Trần Vũ P **01(một)** năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02(hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/11/2018)

Giao bị cáo Trần Vũ P cho Ủy ban nhân dân phường P, quận Ô, thành phố C giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách .

- *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng Điều 605 Bộ luật dân sự

Ghi nhận việc bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp người bị hại của các bị cáo trong quá trình điều tra, cụ thể: bị cáo Nguyễn Thanh T đã bồi thường 28.000.000 đồng; bị cáo Trần Vũ P đã bồi thường 26.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T tiếp tục bồi thường cho chị Phạm Thị Sơn L số tiền 14.000.000 đồng như các bên đã thỏa thuận.

- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 mảnh bê tông có kích thước (23x10cm) và (13x10cm); 01 thanh sắt phi 10, chiều dài 47cm và 100 gam xi măng hiệu Tây Đô.

- Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T nộp 700.000 đồng.

Bị cáo, đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Mẫn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
-VKS ND TP Cần Thơ;
- Sở Tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Viện KSND quận Ô Môn;
- Công an quận Ô Môn;
- Chi cục T.H.A Dân sự Q. Ô Môn;
- UBND. P Thường Thạnh, Q Cái Răng;
- UBND. P Phước Thới, Q. Ô Môn;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;